

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày

tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường
của Dự án “Khu dân cư Tân Hòa, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang”**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 398/TTr-TNMT ngày 15/7/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Khu dân cư Tân Hòa, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang” (sau đây gọi là Dự án) của Công ty TNHH đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Xương Lâm; Công ty TNHH đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP, TH, KTN;
 - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
 - + Lưu: VT, KTN.Bình.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU DÂN CƯ TÂN HÒA, XÃ XƯƠNG LÂM, HUYỆN LẠNG GIANG**
(kèm theo Quyết định số _____/QĐ-UBND ngày _____/7/2022 của UBND tỉnh)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu dân cư Tân Hòa, xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang.
- Địa điểm thực hiện dự án: Xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Chủ dự án: Công ty TNHH đầu tư và TMDV Hoàng Minh BG.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi: Dự án thuộc địa phận xã Xương Lâm, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.
- Quy mô của dự án: Đầu tư xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật khu dân cư trên khu đất có diện tích khoảng 9,83 ha với quy mô dân số khoảng 1.140 người.

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: San nền, hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải, trạm xử lý nước thải, cấp điện và chiếu sáng, thông tin liên lạc, bãi đỗ xe, khuôn viên cây xanh.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa khoảng 8,27 ha.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

- Việc chiếm dụng đất, di dân và tái định cư. Dự án chiếm dụng khoảng 9,83 ha đất, hiện trạng chủ yếu là đất trồng lúa, đất ở hiện trạng, đất mặt nước chuyên dùng (ao hồ nuôi trồng thủy sản), đất giao thông, đất kênh mương thủy lợi, đất nghĩa trang.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng

- + Tác động do bom mìn tồn lưu trong đất;
- + Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng: phát quang thực vật, phá dỡ, dịch chuyển các công trình hiện hữu,...

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển vật tư, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ các nguồn sau:

- ++ Bụi từ quá trình san nền, đào đắp móng;
- ++ Bụi từ quá trình vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng;
- ++ Bụi từ quá trình bốc dỡ, lưu trữ vật liệu xây dựng;
- ++ Bụi, khí thải từ phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu;
- ++ Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thiết bị thi công;

- ++ Khí thải từ quá trình hàn;
- ++ Bụi, Khí thải từ công đoạn trải bê tông nhựa nóng nền đường;
- ++ Bụi từ quá trình vệ sinh công trường sau thi công.
- + Nước thải phát sinh từ các nguồn sau:
 - ++ Nước thải sinh hoạt của công nhân tham gia thi công xây dựng trên công trường;
 - ++ Nước thải từ nước thải từ quá trình thi công, rửa máy móc thiết bị;
 - ++ Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.
- Chất thải rắn:
 - ++ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng;
 - ++ Chất thải từ hoạt động đào đắp san nền, đào đắp các hạng mục công trình và chất thải rắn xây dựng thông thường là các chất rắn có khả năng tái chế như sắt, thép vụn, bao bì carton sạch,... và các loại chất thải khác như đất đá, xi măng rơi vãi,...

2.2. Giai đoạn vận hành

- Hoạt động của các hộ dân, khu công cộng:
 - + Phát sinh nước thải, rác thải, bụi, khí thải nhà bếp từ các hoạt động sinh hoạt hàng ngày;
 - + Phát sinh bụi, khí thải từ hoạt động giao thông trên các tuyến đường nội bộ dự án.
 - + Chất thải nguy hại gồm gang tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại, từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải; pin hỏng; linh kiện điện tử hỏng; dầu thải,...
- Duy tu hệ thống hạ tầng kỹ thuật:
 - + Phát sinh chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng trạm biến áp;
 - + Nguy cơ chập cháy hệ thống điện; nguy cơ tai nạn giao thông,...
- Nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án: Phát sinh vào những ngày mưa to, chảy tràn kéo theo chất bẩn, xăng dầu bị rò rỉ trên đường.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

3.1.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:
 - + Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 2,4 m³/ngày, thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), amoni, tổng Coliforms...
 - + Nước thải phát sinh từ quá trình thi công xây dựng: Từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hồ bê tông, nước rửa nguyên vật, từ hoạt động rửa xe phát sinh khoảng 03 m³/ngày với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD₅, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực thi công xây dựng kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, TSS...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi từ phá dỡ công trình hiện hữu, từ đào đắp, san nền, vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng, từ quá trình xúc bốc, lưu trữ nguyên vật liệu xây dựng, vệ sinh làm sạch công trình sau thi công hoàn chỉnh. Thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

+ Bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc, thiết bị thi công xây dựng, phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO₂, NO₂, bụi, VOC_s. Khí thải từ công đoạn hàn có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO_x, khói hàn.

+ Bụi, khí thải từ quá trình trải bê tông nhựa nóng có thông số ô nhiễm đặc trưng là Bụi, VOC_s...

3.1.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ khu vực ăn uống của công nhân thi công xây dựng khoảng 13 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ phá dỡ công trình hiện trạng phát sinh khoảng 386 tấn. Thành phần chủ yếu là cây cối, hoa màu, gạch, bê tông vỡ...

Chất thải là vật liệu xây dựng dư thừa như cát, đá, vữa, đầu mẩu sắt, thép, bao bì cát tông, nilong...phát sinh khoảng 216 tấn.

Đất đào, bóc hữu cơ phát sinh khoảng 38 m³ được tận dụng để bổ sung cho khu vực trồng cây xanh;

Đất đào các hạng mục công trình của dự án khoảng 2.097 m³ được tận dụng để đắp san nền tại dự án (chủ yếu khu vực bãi đỗ xe).

- Chất thải nguy hại từ hoạt động thi công, máy móc thi công xây dựng như giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn, que hàn thải,...phát sinh khoảng 128,5 kg/tháng.

3.1.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị xây dựng, thi công các hạng mục công trình dự án, vận chuyển nguyên vật liệu. Quy chuẩn so sánh: QCVN 26:2010/BTNMT áp dụng đối với tiếng ồn phát sinh từ dự án, QCVN 27:2010/BTNMT áp dụng đối với độ rung phát sinh từ dự án.

3.1.4. Các tác động khác

- Tác động do chiếm dụng, đền bù, hoạt động giải phóng mặt bằng; tác động đến giao thông khu vực và trên tuyến đường vận chuyển; tác động đo rà phá bom mìn; tác động đến vùng sản xuất nông nghiệp lân cận dự án...

- Tác động do sự cố như: Tai nạn lao động; tai nạn giao thông; cháy nổ; ngập úng, bồi lắng, trượt, sụt lở, xói mòn; sụt lún công trình lân cận...

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Nước thải, khí thải

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt từ các hộ dân sinh sống và từ công trình công cộng dịch vụ trong khu vực dự án; nước thải từ các hộ dân hiện trạng với tổng lượng phát sinh khoảng 207 m³/ngày. Thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD₅, COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Amoni, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliforms.

+ Nước mưa chảy tràn trên khu vực dự án kéo theo đất, cát, chất cặn bã, dầu mỡ xuống cống thoát nước xung quanh, gây bồi lắng, tắc nghẽn cục bộ.

- Bụi, khí thải:

+ Khí thải từ phương tiện giao thông có thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi, C_xH_y, CO, NO₂, SO₂...

+ Khí thải từ hoạt động đun nấu trong khu dân cư có thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, NO₂, NO₂, VOC_s...

+ Mùi từ hệ thống thu gom nước thải, khu tập kết rác.

+ Khí thải từ hoạt động của máy điều hòa nhiệt độ.

3.2.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Chất thải rắn sinh hoạt từ sinh hoạt của người dân sinh sống trong khu vực dự án, chất thải tại khu vực khuôn viên, cây xanh, đường giao thông phát sinh khoảng 01 tấn/ngày. Bùn thải từ các bể tự hoại của các công trình phát sinh khoảng 45,6 m³/năm. Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 22,55 kg/ngày.

- Chất thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, duy tu công trình hạ tầng kỹ thuật của dự án: Chất thải từ quá trình cắt tỉa cành cây xanh khoảng 2 tấn/6 tháng; bùn và rác thải phát sinh từ quá trình nạo vét hố ga, rãnh tiêu thoát nước khoảng 09 tấn/06 tháng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động của khu dân cư như: Găng tay, giẻ lau dính chất thải nguy hại từ quá trình bảo dưỡng, bảo trì; bóng đèn huỳnh quang thải; hộp mực in thải; pin hỏng; linh kiện điện tử hỏng; dầu thải,... phát sinh khoảng 2.308 kg/năm.

3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn, độ rung phát sinh không đáng kể từ hoạt động của phương tiện giao thông, kinh doanh dịch vụ.

3.2.4. Các tác động khác

- Tác động lên kinh tế xã hội khu vực, an ninh trật tự,...

- Tác động do sự cố như: Tai nạn giao thông, cháy nổ, bão lụt, ngập úng; sự cố hệ thống thu gom, thoát nước thải, sự cố trạm biến áp, sự cố sụt lún công trình...

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt

Bố trí 01 nhà vệ sinh di động có bể chứa chất thải (dung tích từ 07m^3 đến 10m^3) để thu gom nước thải sinh hoạt. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng đến hút chất thải tại bể chứa chất thải đem đi xử lý theo quy định (Tần suất khoảng 1 tuần/lần hoặc khi bể chứa đầy).

- Nước thải thi công

+ Đối với nước thải phát sinh từ khu vực rửa xe: Bố trí 01 hệ thống tách dầu 2 bậc để xử lý nước thải nhiễm dầu mỡ khu vực rửa xe, nước thải sau xử lý được tái sử dụng cho việc rửa xe hoặc tưới nước dập bụi. Hệ thống tách dầu mỡ tổng thể tích 6m^3 gồm 2 bể phân ly mỗi bể phân ly thể tích 3m^3 , mỗi bể phân ly được chia tiếp thành 2 ngăn mỗi ngăn thể tích $1,5\text{m}^3$.

+ Đối với nước thải phát sinh từ hoạt động vệ sinh máy móc thiết bị, dưỡng hộ bê tông, nước rửa nguyên vật liệu: Được lắng cặn bằng các hố lắng và thùng chứa tạm thời có dung tích từ $1,0\text{ m}^3$ (02 thùng), nước sau lắng cặn được tái sử dụng cho dập bụi, trộn vữa,...

- Nước mưa chảy tràn: Vạch tuyến phân vùng thoát nước mưa tạm thời đảm bảo tiêu thoát triệt để, không gây ngập úng trong quá trình xây dựng và không làm ảnh hưởng đến khả năng thoát nước thải bên ngoài dự án. Rãnh thoát nước là rãnh đất B400-B600 trên rãnh bố trí hố ga lắng cặn thể tích $1,0-1,5\text{ m}^3$ m khoảng 20-30 m bố trí 01 hố ga, hướng thoát nước phù hợp với thiết kế san nền.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

Thực hiện phun nước dập bụi trên công trường, dọc tuyến đường vận chuyển đất san nền và nguyên vật liệu xây dựng (trong bán kính 01 km đến khu vực dự án) với tần suất 2-4 lần/ngày, tăng tần suất 4-6 trong những ngày khô hanh, nắng nóng. Tiêu chuẩn nước tưới đường $0,5\text{ lít/m}^2$.

Dựng hàng rào tôn (hoặc vật liệu khác) cao 2,0 m che chắn xung quanh khu vực dự án.

Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân thi công tại công trường như quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, ủng bảo hộ, kính bảo hộ... yêu cầu công nhân sử dụng trong quá trình làm việc đặc biệt là công nhân hàn.

Phương tiện vận chuyển được phủ kín thùng xe ngăn ngừa phát tán bụi vào môi trường không khí và rơi vãi nguyên vật liệu xây dựng. Không sử dụng xe quá khổ, quá tải. Định kỳ bảo dưỡng máy móc thiết bị thi công đảm bảo hoạt động trạng thái tốt nhất, hạn chế tiếng ồn và khói thải ở mức thấp nhất.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 02 thùng chứa dung tích 100 lít tại khu vực lán trại của công nhân. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo quy định (01 ngày/lần).

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Từ quá trình phát quang thực vật: Cho người dân tận dụng tối đa, phần còn lại được hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng thông thường được phân loại: Phần có thể tái chế được thu gom bán cho cơ sở thu mua tái chế; phần các chất trơ như bê tông, gạch vỡ tận dụng san nền. Đất bóc hữu cơ tận dụng bổ sung cho khu vực trồng cây xanh.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

Bố trí 03 thùng phuy chứa loại dung tích 200 lít đặt tại vị trí thuận lợi trên công trường, khu vực phát sinh chất thải. Bố trí khu vực lưu giữ tạm thời (container dung tích 10 m³) để lưu giữ chất thải nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định với tần suất khoảng 12 tháng/lần.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

- Không sử dụng máy móc thiết bị cũ lạc hậu có khả năng gây ồn cao.
- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động để chống ồn, đảm bảo sức khỏe cho người dân.

- Kiểm tra mức ồn, rung trong quá trình xây dựng, bố trí lịch thi công phù hợp để đạt mức ồn tiêu chuẩn theo quy chuẩn hiện hành.

4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Kết hợp với chính quyền địa phương quản lý công nhân lưu trú trên địa bàn.

- Không tập trung xe vào giờ cao điểm từ 6 - 8 giờ sáng, chiều từ 16 - 18 giờ và tránh vận chuyển vào ban đêm.

- Thuê đơn vị có chức năng rà phá bom mìn trước khi tiến hành san lấp và xây dựng.

- Phối hợp với chính quyền địa phương phân luồng giao thông kịp thời trên các phương tiện trên các thông tin công cộng của địa phương để tránh ùn tắc giao thông.

4.2. Giai đoạn vận hành

4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom ra hố ga thu nước thải trong rãnh kỹ thuật sau nhà, sau đó thoát vào cống D300-D400 trên cống có bố trí các hố ga thu gom nước thải, sau đó nước thải được đưa vào hệ thống cống HDPE D300 chạy dọc vỉa hè dẫn về trạm xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày đặt tại khu đất hạ tầng kỹ thuật của dự án. Nước thải sau xử lý đầu nối vào kênh tiêu Ngòi Thảo tại K3+650.

Trạm xử lý nước thải công suất 250 m³/ngày hoạt động theo công nghệ AO kết hợp giá thể vi sinh di động MBBR. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột B.

- Nước mưa chảy tràn: Nước mưa phát sinh được thoát theo hướng từ Đông sang Tây và từ Bắc xuống Nam theo tuyến cống có đường kính D600 – D1000,

trên hệ thống thu gom nước mưa có bố trí hệ thống hố ga và giếng thu nước mưa được bố trí cách nhau khoảng 30 m, sau đó nước mưa được đầu nối vào kênh tiêu Ngòi Thảo tại lý trình K3+650.

4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trồng cây xanh, thảm cỏ trong khuôn viên để hạn chế ô nhiễm không khí, giảm thiểu tiếng ồn, điều hòa không khí. Bố trí hệ thống cây xanh dọc theo tuyến giao thông.

- Toàn bộ mặt bằng sân, đường dự án được trải nhựa hoặc bê tông hóa.

- Thường xuyên quét dọn, vệ sinh mặt đường nhằm hạn chế thấp nhất lượng bụi đất, lá cây trên mặt đường.

- Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn phát sinh, không để chất thải rắn tồn đọng qua ngày hôm sau và các thùng chứa chất thải rắn đều có nắp đậy.

- Định kỳ 06 tháng/lần nạo vét hố ga tiêu thoát nước thải của dự án.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

Các hộ gia đình tự bố trí thùng rác để thu gom rác thải và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định. Bố trí 30 thùng rác dung tích 50 lít loại 2 ngăn ven tuyến đường nội bộ, cứ khoảng 120m bố trí 1 thùng, khoảng cách bố trí khoảng 100m/thùng. Hàng ngày rác thải được đơn vị có chức năng thu gom về ga rác để tập kết (đặt tại khu đất cây xanh, gần công trình xử lý nước thải, diện tích khoảng 40m²) sau đó được đơn vị có chức năng vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

- Đối với dầu thải từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng, thay dầu trạm biến áp: đơn vị quản lý vận hành sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng đến hút, vận chuyển đi xử lý ngay thời điểm thay dầu cho máy. Lượng dầu này không lưu tại dự án.

- Các hộ gia đình có trách nhiệm tự thực hiện thu gom, quản lý và xử lý chất thải nguy hại phát sinh theo quy định.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

Trồng dải cây xanh trong khu vực dự án có tác dụng giảm thiểu tiếng ồn, độ rung từ phương tiện giao thông, đồng thời tạo cảnh quan, điều tiết vi khí hậu khu vực.

4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Mạng lưới cấp nước cho hệ thống phòng cháy chữa cháy của khu vực thực hiện dự án được tổ chức theo mạng lưới vòng, chung với hệ thống cấp nước, đảm bảo cấp nước cho phòng cháy chữa cháy được tốt nhất. Hệ thống cấp nước chữa cháy của khu dự án, mạng áp lực thấp, khi có cháy xe cứu hỏa đến lấy nước tại hòng cứu hỏa. Hòng cấp nước cứu hỏa được bố trí nằm trên đường

ống cấp nước HDPE D110. Trụ nước chữa cháy ngoài nhà được bố trí dọc theo đường giao thông khoảng cách giữa các trụ cứu hỏa từ 100m÷150m/hạng, theo tiêu chuẩn hiện hành. Đảm bảo bán kính phục vụ không quá 150 (m).

- Thường xuyên nạo vét hệ thống cống rãnh, khơi thông dòng chảy, tăng khả năng tiêu thoát úng, thoát nước cho hệ thống thoát nước trong mùa mưa bão.

- Định kỳ 03 tháng/lần, bảo dưỡng hệ thống cấp thoát nước, xử lý nước thải của dự án.

- Vận hành trạm xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật. Thường xuyên bảo dưỡng, thay thế các thiết bị. Luôn dự trữ các thiết bị có nguy cơ hỏng cao như: các máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,... để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Thực hiện phân chia làn đường, kẻ vạch đường chỉ dẫn, lắp biển báo giao thông, bật đèn đường chiếu sáng vào ban đêm.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng (chủ dự án thực hiện)

* Không khí làm việc

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại khu vực đang thi công xây dựng.

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, độ ẩm, bụi, tiếng ồn, CO, SO₂, NO₂

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT; QCVN 26:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT.

5.2. Giai đoạn vận hành (đơn vị được bàn giao quản lý dự án thực hiện)

* Nước thải sinh hoạt

- Vị trí giám sát: 01 vị trí nước thải sau hệ thống xử lý nước thải, trước khi thoát ra môi trường

- Thông số giám sát: pH, BOD₅, Tổng chất rắn lơ lửng (TSS), Tổng chất rắn hòa tan, Sunfua (tính theo H₂S), Amoni (tính theo N), Nitrat (NO₃⁻) (tính theo N), dầu mỡ động, thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, Phosphat (PO₄³⁻), tổng Coliforms.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, cột B.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác đối với chủ dự án

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo

cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải, nước thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Trong quá trình thực hiện nếu dự án có những thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định, chủ dự án phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo báo cáo đánh giá tác động môi trường;

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 398/TTr-TNMT ngày 15/7/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.